TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 02 - 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀNỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thị Chiểu**

  Bà **Trần Thị Thanh**

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Nguyễn Anh Dũng**, Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị T,** sinh năm 1982; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 2, xã VN, huyện PT, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn Đ***,* sinh năm 1975; vắng mặt

Địa chỉ: Cụm 6, xã VP, huyện PT, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, chị Đặng Thị T trình bày: Chị kết hôn cùng anh Đặng Văn Đ là người ở xã VP, huyện PT, thành phố Hà Nội vào ngày 03/5/2004, trước khi kết hôn chị và anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã VP, huyện PT. Sau khi cưới chị về sống chung cùng anh Đ và được bố mẹ anh Đ cho vợ chồng ăn ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chị sống chung hạnh phúc, đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân, do anh Đ không lo làm ăn và không có trách nhiệm với mẹ con chị mà thường xuyên chơi cờ bạc, từ đó làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, đã nhiều lần chị phải đi trả nợ thay cho anh Đ nên vợ chồng chị xẩy ra cãi nhau và nhiều lần anh Đ đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra trầm trọng vào năm 2010 cũng do tích tụ từ những mâu thuẫn như trên nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay chị không về sống

chung cùng anh Đ nữa. Thời gian đã 07 năm nay chị và anh Đ không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Hiện nay anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cụm 6, xã VP, huyện PT, nhưng anh Đ đi làm thuê, thỉnh thoảng anh Đ vẫn về nhà, chị có gọi điện cho anh Đ vào số máy của anh Đ là 0943183496, mục đích để bảo anh Đ đến Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng mỗi lần nghe điện thoại anh Đ đều nói "Không nói nhiều" và tắt máy luôn. Việc anh Đ không đến Tòa án để giải quyết ly hôn là gây khó khăn cho chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để chị yên tâm làm ăn và ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là Đặng Thị Hồng N, sinh ngày 14/01/2007. Hiện nay, cháu đang sống chung cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ: Chị xác định không nợ ai và không cho ai vay nợ. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài việc xin ly hôn anh Đ và đề nghị được nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Do anh Đặng Văn Đ cố tình không đến Toà án nên Toà án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

- Tại Biên bản lấy lời khai của ông Đặng Văn G là bố đẻ anh Đặng Văn Đ. Ông G trình bày: Anh Đặng Văn Đ là con trai của ông, kết hôn cùng chị Đặng Thị T năm 2004, trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã VP, huyện PT. Sau khi kết hôn chị T về sống chung cùng anh Đ, sau đó ông cho vợ chồng anh Đ ở riêng tại ngôi nhà cấp 4 trên đất của gia đình ông. Thời gian đầu vợ chồng anh Đ sống chung hạnh phúc, đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân tại sao ông không biết, sau đó ông thấy chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh Đ đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về nhà. Theo ông được biết thì hiện nay anh Đ đang sống chung cùng người phụ nữ khác ở địa chỉ cụ thể nào thì ông không biết. Việc chị T xin ly hôn, anh Đ biết nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Các văn bản tài liệu của Tòa án gửi cho anh Đ, ông nhận thay và khi anh Đ về ông đều đưa cho anh Đ. Quan điểm của ông thấy rằng chị T, anh Đ đã sống ly thân nhau từ lâu, mỗi người cũng đã có cuộc sống riêng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị T có 01 con chung là Đặng Thị Hồng N, sinh năm 2007, hiện nay đang sống chung cùng chị T.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh Đ không có tài sản gì.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị T kiên quyết xin được ly hôn với anh Đặng Văn Đ vì chị và anh Đ đã sống ly thân nhau nhiều năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu Nhung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc xác

định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị T đối với anh Đặng Văn Đ. Về con chung giao cháu Đặng Thị Hồng N cho chị T nuôi. Chấp nhận đề nghị của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Đặng Thị T. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các Văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Đặng Văn Đ, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh Đ đều vắng nên Toà án không tiến hành lấy lời khai và không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, anh Đặng Văn Đ vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đặng Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn Đ kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện PT, thành phố Hà Nội vào ngày 03/5/2004. Quá trình sống chung giữa chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn Đ đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị T khai do anh Đ chơi cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, đã nhiều lần chị phải lo trả nợ cho anh Đ, từ đó anh Đ không quan tâm đến mẹ con chị nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần anh Đ đánh chị nên năm 2010 chị T phải về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Đặng Thị T kiên quyết xin ly hôn anh Đặng Văn Đ. Phía anh Đ vắng mặt nhưng theo lời khai của ông Đặng Văn G là bố đẻ anh Đ xác nhận vợ chồng chị T, anh Đ sống chung đã xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay anh Đ đã sống chung với người phụ nữ khác nên ô G đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ và chị T được ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Đ.

- Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn Đ có một con chung là Đặng Thị Hồng N, sinh ngày 14/01/2007, hiện nay cháu đang sống chung cùng chị T. Tại bản tự khai của cháu Nhung đề nghị được sống chung cùng chị T. Xét nguyện vọng của cháu Nhung cũng như đề nghị của chị T được nuôi cháu Nhung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nhung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị T xác định có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đặng

Văn Đ cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Đặng Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ: Chị Đặng Thị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp nếu anh Đặng Văn Đ có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử:

+ Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Hồng N, sinh ngày 14/01/2007 cho chị Đặng Thị T nuôi đến khi cháu Nhung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Đặng Thị T không yêu cầu anh Đặng Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đặng Văn Đ cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Đặng Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005092 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đặng Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện PT;*
- *THADS huyện PT;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện PT;*
- *THADS huyện PT;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện Phỳc Thọ;*
- *THADS huyện Phỳc Thọ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phỏn- Chủ toạ phiờn toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIấN TềA**